

CẢI CÁCH WTO VÀ LỘ TRÌNH ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC SỰ CÂN BẰNG VỀ LỢI ÍCH GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC

Trong thời đại toàn cầu hóa, thương mại quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với cả nước phát triển và đang phát triển. Tuy nhiên, giữa hai phía của thế giới có sự mất cân bằng khi phía Bắc (các nước công nghiệp từ Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản) được hưởng lợi từ thương mại thế giới nhiều hơn so với phía Nam (các nước đang phát triển từ châu Phi, Mỹ La Tinh và các nước Trung, Nam và Đông Nam Á).

Trên thực tế, thương mại toàn cầu đã làm giàu hơn cho các nước phía Bắc và để lại hàng triệu người nghèo ở phía Nam, nên càng khuếch đại tính bất bình đẳng. Trong khi đó, thương mại quốc tế được coi là động lực chính cho phát triển và giảm nghèo, nên các nước phía Nam đang đấu tranh nhằm đạt được thỏa thuận công bằng từ trật tự mới của thương mại toàn cầu.

Các quy tắc chi phối thương mại thế giới không chỉ trái ngược với nhu cầu và lợi ích của nước nghèo mà còn theo hướng có lợi cho các nước giàu (Oxfam, 2005) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cấu thành nên bộ phận chính trong quản trị liên quan đến thương mại toàn cầu.

WTO là định chế kinh tế đa phương được thành lập vào năm 1995 và hiện bao gồm 159 thành viên (đến tháng 3/2013). WTO ra đời thay thế cho Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) với quyền lực đối với các vấn đề thương mại toàn cầu ngày càng tăng. Điều đáng chú ý là WTO là một tổ chức có ảnh hưởng rất lớn bởi các quy tắc của WTO bao gồm nhiều vấn đề như hàng hóa sản xuất, hàng dệt may và nông nghiệp, dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ cũng như các biện pháp chống bán phá giá và tự vệ. Do đó, không một nước nào có thể bỏ qua tổ chức này nếu muốn hội nhập kinh tế thế giới và các nước đang phát triển phải gia nhập WTO nếu như muốn tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, dường như WTO ra đời lại củng cố hơn cho cơ chế thiên vị trong mối quan hệ Bắc - Nam, lợi ích của các nước giàu có được từ chi phí bỏ ra của các nước nghèo hơn. Và các nước đang phát triển đang bị mắc kẹt trong vòng tròn luẩn quẩn khi họ cần hệ thống WTO để hội nhập kinh tế toàn cầu thì sự phát triển của họ lại bị đe dọa bởi các quy tắc và cơ chế của chính WTO. Do vậy, một loạt cải cách quan trọng của WTO là yêu cầu cơ bản đối với những nước này. Cải cách WTO sẽ đòi hỏi phải suy nghĩ sâu hơn về một lịch trình thương mại cân bằng trong đối xử với lợi ích của các nước đang phát triển.

1. Một số cải cách trong WTO

Nếu như IMF và Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra những gói cải cách về thể chế, tăng hạn ngạch và cải cách tiếng nói của các nước đang phát triển thì WTO lại không như vậy. Vấn đề cải cách trong WTO được xem xét thông qua những thay đổi trong những nội dung đàm phán và gây tranh cãi được đưa vào vòng đàm phán Doha (2001).

1.1. Tiến trình của vòng đàm phán Doha

Bắt đầu vòng đàm phán Doha (2001)

Kể từ khi bắt đầu thực hiện GATT, hầu như các quyết định đều do các nước phát triển đưa ra. Do vậy, tại Hội nghị bộ trưởng ở Seattle, Mỹ (1999), các nước đang phát triển yêu cầu giải quyết lợi ích của họ và tuyên bố không ủng hộ bất kỳ một vòng đàm phán đa phương nào trừ khi có sự nhượng bộ từ các nước phát triển¹.

Từ ngày 9 - 14/11/2001, các bộ trưởng thương mại của các nước thành viên WTO đã họp Hội nghị bộ trưởng WTO lần thứ tư tại Doha và đồng ý thực hiện một vòng đàm phán thương mại đa phương mới. Cuộc họp này đã đạt được thỏa thuận về thời gian cho Hội nghị bộ trưởng lần thứ năm diễn ra vào năm 2003 và đưa ra mục tiêu kết thúc các cuộc đàm phán không muộn hơn ngày 1/1/2005.

Hội nghị bộ trưởng tại Cancun (2003)

Hội nghị bộ trưởng lần thứ năm được tổ chức tại Cancun, Mexico từ ngày 10 - 14/9/2003, song đã kết thúc mà không đạt được một thỏa thuận nào về khuôn khổ cho các cuộc đàm phán trong tương lai (Ian, 2003). Tuy nhiên, sang đầu năm 2004, đại diện thương mại của Mỹ đã đưa ra đề xuất tập trung vào cách tiếp cận thị trường bao gồm loại bỏ trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp, đàm phán về thuận lợi hóa thương mại, xem xét kỹ hơn về vấn đề mua sắm chính phủ, giảm đầu tư và cạnh tranh.

Ngày 31/7/2004, các thành viên WTO đã thông qua một hiệp định khung bao gồm những bước phát triển quan

¹ Congressional Research Services - World trade organization negotiations: The Doha Development Agenda, 2011.

trọng đối với nông nghiệp - vấn đề gây tranh cãi và quan trọng nhất. Hiệp định khung này được coi là thành tựu lớn². Với thỏa thuận về nông nghiệp và các vấn đề khác được mở rộng hơn, các nhà đàm phán đã đưa ra một định hướng rõ ràng cho những thảo luận trong tương lai. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán lại rơi vào bế tắc mới.

Hội nghị bộ trưởng tại Hồng Kông (2006)

Tại Hội nghị bộ trưởng lần thứ sáu ở Hồng Kông, các bộ trưởng đã thống nhất đưa ra thời hạn kết thúc vòng đàm phán vào cuối năm 2006, trong đó, thời hạn để thiết lập một phương thức đàm phán nông nghiệp và tiếp cận thị trường phi nông nghiệp (NAMA) là 30/4/2006, thời hạn để trình biểu thuế nông nghiệp và NAMA, trình văn bản tổng hợp về các quy định và tạo thuận lợi cho thương mại là 31/7/2006. Tuy nhiên, hội nghị này đã không đạt được sự đồng thuận nào về việc thiết lập phương thức đàm phán nông nghiệp và NAMA.

Hội nghị Geneva (2006)

Trước hội nghị thượng đỉnh, lần đầu tiên trong nhiệm kỳ làm Tổng Giám đốc WTO, ông Pascal Lamy đã phác thảo đề xuất với tên gọi “đề xuất 20-20-20” trong đó: (i) Kêu gọi Mỹ chấp nhận mức trần cho trợ cấp cho nông dân trong nước dưới 20 tỷ USD, (ii) Đề xuất các cuộc đàm phán sử dụng đề xuất của nhóm G20 với mức cắt giảm trung bình tối thiểu đối với thuế nông nghiệp tại các nước phát triển là 54%; (iii) Đưa ra mức thuế trần là 20% đối với thuế công nghiệp tại các nước đang phát triển, song, đề xuất này đã không được các bên thông qua.

² Congressional Research Services - World trade organization negotiations: The Doha Development Agenda, 2011.

Hội nghị Postdam (2007)

Tháng 6/2007, các cuộc đàm phán bị phá vỡ tại hội nghị ở Postdam do bế tắc chính xảy ra giữa Mỹ, EU, Ấn Độ và Brazil về thị trường nông nghiệp và công nghiệp cũng như việc cắt giảm trợ cấp nông trại tại các nước giàu³.

Hội nghị Geneva (2008)

Các nhà đàm phán đã họp tại Geneva từ ngày 21 - 29/7/2008, tuy nhiên, một lần nữa không đạt được thỏa thuận về cơ chế bảo vệ đặc biệt đối với các sản phẩm nông nghiệp.

Kỳ họp thứ 9 của WTO tại Bali, Indonesia

Kỳ họp nhằm nói lỏng các rào cản thương mại diễn ra từ ngày 3 - 7/12/2003 đã đạt được thỏa thuận thương mại đa phương đầu tiên cho vòng đàm phán phát triển Doha được khởi động từ năm 2001 - gói Bali. Gói Bali gồm 3 cấu thành chính: Hiệp định thuận lợi hóa thương mại (TF), gói cam kết nông nghiệp và gói cam kết phát triển, trong đó trọng tâm là TF với mục tiêu xây dựng bộ quy tắc thống nhất, đơn giản hơn về thủ tục thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

1.2. Chương trình nghị sự Doha

Các cuộc đàm phán của vòng đàm phán Doha được giám sát bởi Ủy ban Giám sát thương mại với những nội dung chính sau:

Đàm phán trong lĩnh vực nông nghiệp

Nông nghiệp đã trở thành vấn đề then chốt trong

³ The Economist (2008), Defrosting Doha.

chương trình nghị sự phát triển Doha (Randy, 2010). Trong bản tuyên bố của các bộ trưởng tại Doha, các nước cam kết “đàm phán toàn diện nhằm mục tiêu cải thiện vấn đề tiếp cận thị trường, cắt giảm dần tất cả các dạng trợ cấp xuất khẩu, giảm các biện pháp hỗ trợ làm biến dạng thương mại”.

Tuy không có bước đột phá nào tại Hội nghị bộ trưởng tại Hồng Kông tháng 12/2005 nhưng các thành viên đã thống nhất xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu và các biện pháp xuất khẩu có tác động tương tự vào năm 2013; đồng ý cắt giảm các chương trình hỗ trợ trong nước với phương pháp 3 nhóm, theo đó, khu vực EU là nước sử dụng các khoản trợ cấp nông nghiệp trong nước nhiều nhất sẽ được ở nhóm cao nhất, Mỹ và Nhật Bản ở nhóm thứ 2 và những nước sử dụng ít biện pháp trợ cấp nhất sẽ ở nhóm thứ 3. Các thành viên cũng cam kết sẽ đạt được công thức cắt giảm thuế vào ngày 30/4/2006, tuy nhiên, thời hạn này đã không đạt được.

Đàm phán không thành công tại cuộc họp các nước G-6 tại Geneva ngày 23/7/2006 chủ yếu là do mối quan tâm của Mỹ về mức độ sai lệch so với những cam kết tiếp cận thị trường xuất phát từ “sự linh hoạt 3-s” (sản phẩm đặc biệt, sản phẩm nhạy cảm và cơ chế tự vệ đặc biệt)⁴.

Hiệp định về nông nghiệp trong gói Bali đồng ý cung cấp hàng loạt dịch vụ nông nghiệp cho các nước đang phát triển, đồng thời trong điều kiện nhất định, đồng ý việc các nước này dự trữ lương thực công nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

⁴ Randy Schnepf and Charles E. Hanrahan (2010), WTO Doha Round: Implications for U.S. Agriculture.

Đối với đàm phán nông nghiệp, các thành viên đã cơ bản nhất trí được những vấn đề về (i) Mức cắt giảm thuế; (ii) Cạnh tranh xuất khẩu; (iii) Cơ chế tự vệ khẩn cấp (SSG); (iv) Hộp màu xanh da trời (Blue Box); (v) Trợ cấp trong nước; (vi) Hỗ trợ chung (AMS).

Bên cạnh đó, một số vấn đề còn tồn tại trong đàm phán nông nghiệp là: (i) Cơ chế tự vệ đặc biệt (SSM); (ii) Sản phẩm đặc biệt; (iii) Sản phẩm nhạy cảm; (iv) Sản phẩm nhiệt đới; (v) Về xói mòn ưu đãi các sản phẩm nông nghiệp; (vi) Hạn ngạch thuế quan mới.

Đàm phán trong lĩnh vực dịch vụ

Đến tháng 7/2005, WTO nhận được 68 đề nghị cam kết ban đầu đại diện cho 92 nước và 24 đề nghị cam kết từ những nước không phải là nước kém phát triển, nhưng chỉ có 28 đề nghị được trình vào tháng 11/2005. Trong số những đề nghị này, nhiều đề nghị có chất lượng kém, nhiều đề nghị chỉ cam kết ràng buộc thực hiện mà không đưa ra nhượng bộ mới và hoàn toàn loại trừ một số lĩnh vực (William, 2006).

Tại Hồng Kông, các thành viên cam kết nộp bản đề nghị được sửa đổi lần 2 vào ngày 31/7/2006 và đưa ra lịch trình cam kết cuối cùng vào ngày 31/10/2006. Nhằm đẩy nhanh quá trình đàm phán, các thành viên đã đồng ý sử dụng các yêu cầu đa phương đối với các thành viên khác trong một số lĩnh vực cụ thể và phương thức cam kết sẽ được hoàn thành vào ngày 28/2/2006. Nhằm đáp ứng thời hạn này, 21 yêu cầu đa phương liên quan đến 17 lĩnh vực và 4 phương thức cam kết đã được trình.

Một lĩnh vực gây tranh cãi đó là phương thức IV liên

quan đến việc di chuyển tạm thời của người kinh doanh đến nước khác để thực hiện một nhiệm vụ trên trang web. Các nước đang phát triển muốn công dân của họ di chuyển được dễ dàng hơn theo phương thức IV, trong khi các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ, đã phản đối.

Đối với dịch vụ tài chính, cho phép áp dụng những biện pháp thận trọng, bao gồm bảo vệ các nhà đầu tư, người gửi tiền, người nắm giữ hợp đồng bảo hiểm và để đảm bảo cho sự thống nhất và ổn định của hệ thống tài chính. Các điều khoản về đối xử quốc gia có liên quan chặt chẽ với việc mở cửa hệ thống thanh toán và quyết toán được điều hành bởi các tổ chức công và liên quan đến các phương thức tài trợ tái cấp vốn công.

Đối với đàm phán trong lĩnh vực dịch vụ, những vấn đề còn tồn tại liên quan đến:

(i) Đàm phán mở cửa thị trường: Đàm phán song phương hoặc thậm chí là đa phương tiến triển rất chậm chạp.

(ii) Đàm phán về quy định trong nước: Các thành viên vẫn chưa đạt được đồng thuận trong nhiều nội dung cụ thể.

(iii) Đàm phán các vấn đề quy tắc: Các thành viên chưa đạt được nhiều tiến bộ nhằm xây dựng các quy tắc về trợ cấp, tự vệ đặc biệt và mua sắm chính phủ trong lĩnh vực dịch vụ.

(iv) Điều khoản của GATS liên quan tới các nước kém phát triển: Vẫn chưa thống nhất bởi một số thành viên muốn gắn kết vấn đề này vào cả gói đàm phán.

Đàm phán trong lĩnh vực NAMA

Trong tuyên bố Doha, các bộ trưởng thương mại đồng ý đàm phán cắt giảm hoặc loại bỏ thuế đối với sản phẩm công

ngành hoặc sản phẩm sơ cấp với trọng tâm là “mức thuế đỉnh, thuế cao và leo thang thuế”. Mức thuế đỉnh là mức thuế có thuế suất trên 15% và thường dùng để bảo vệ những mặt hàng nhạy cảm từ đối thủ cạnh tranh. Thuế leo thang là việc thực hiện tăng thuế với giá trị được tăng thêm đối với hàng hóa. Các cuộc đàm phán tìm cách giảm tỷ lệ rào cản phi thuế quan, bao gồm cấp phép nhập khẩu, hạn ngạch, các biện pháp hạn chế định lượng nhập khẩu khác và các rào cản kỹ thuật đối với thương mại.

Bên cạnh đó, các đàm phán về NAMA ngày càng có liên kết với đàm phán về nông nghiệp. Các nước đang phát triển sẽ không sẵn sàng cam kết về NAMA mà không có thỏa thuận về nông nghiệp và hiện nay một số nước phát triển đang gán sự tiến bộ nông nghiệp với NAMA. Mỗi liên hệ này được gọi là “tỷ lệ trao đổi” giữa hai cuộc đàm phán.

Đàm phán trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Đàm phán trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ có nhiệm vụ chính là đàm phán về việc xây dựng hệ thống đăng bạ đa phương dành cho chỉ dẫn địa lý của rượu vang và rượu mạnh. Ngoài ra, đàm phán sở hữu trí tuệ có hai nhiệm vụ là mở rộng bảo hộ mạnh cho các sản phẩm khác và xử lý mối quan hệ giữa Hiệp định TRIPS và Công ước đa dạng sinh học (CBD).

Trên cơ sở này, các phiên họp đặc biệt của Hội đồng TRIPS của WTO chỉ tập trung vào nhiệm vụ đàm phán xây dựng hệ thống đăng bạ chỉ dẫn địa lý, chưa đi sâu vào thảo luận hai nhiệm vụ còn lại. Mặc dù các thành viên liên tục tìm cách đưa 2 nhiệm vụ này vào chương trình nghị sự của Hội đồng TRIPS nhưng do vấp phải sự phản đối của nhiều thành

viên lớn như Hoa Kỳ, Ôx-trây-lia v.v... nên nỗ lực này chưa đạt được nhiều kết quả.

Tạo thuận lợi hóa thương mại

Hội nghị bộ trưởng đầu tiên của WTO được tổ chức tại Xin-ga-po năm 1996 đã thành lập nhóm công tác thường trực đối với 4 vấn đề: tính minh bạch trong mua sắm chính phủ, tạo thuận lợi cho thương mại, thương mại và đầu tư, thương mại và cạnh tranh.

Thuận lợi hóa cho thương mại nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của thương mại quốc tế bằng việc hài hòa hóa và đơn giản hóa thủ tục hải quan, tránh yêu cầu tài liệu trùng lặp, chậm trễ xử lý thủ tục hải quan, các quy định và yêu cầu nhập khẩu không minh bạch hoặc thi hành không đồng đều.

Những thảo luận cũng thường liên quan đến vấn đề hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực thương mại cần thiết cho các nước đang phát triển nhằm thực hiện bất kỳ thỏa thuận tiếp theo nào.

Gói Bali đạt được vào tháng 12/2013 cũng bao gồm những cam kết tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại bằng việc đơn giản hóa thủ tục hải quan và dỡ bỏ các rào cản thương mại, mở đường cho hàng hóa của những nước nghèo tiếp cận với thị trường các nước giàu bằng việc cắt giảm thuế nhập khẩu.

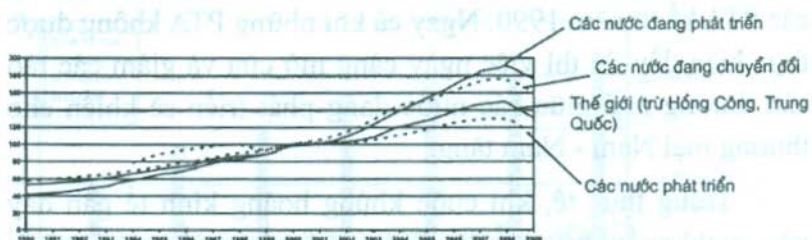
Tuy nhiên, vấn đề chính còn tồn tại trong đàm phán thuận lợi hóa thương mại là các quy định về đối xử đặc biệt dành cho các thành viên đang phát triển và các nước kém phát triển. Đây là một nội dung trụ cột trong TF, tùy thuộc vào khả năng của các thành viên đang phát triển và các nước kém phát triển và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

2. Lộ trình để đạt được sự cân bằng về lợi ích giữa các nhóm nước

Quá trình toàn cầu hóa khiến cho thương mại quốc tế đóng vai trò quan trọng đối với các nước phát triển và đang phát triển, đồng thời, cũng khiến cho những nước giàu càng trở nên giàu hơn và giữa hai nhóm nước phát triển và đang phát triển ngày càng có sự mất cân bằng về lợi ích.

Trong thời gian qua, việc mở cửa thương mại đã góp phần đáng kể làm tăng sự tham gia của các nước đang phát triển trong nền kinh tế toàn cầu. Trong xuất khẩu hàng hóa thế giới, thị phần của các nước đang phát triển đã tăng từ mức 34% trong năm 1980 lên mức 47% trong năm 2011, cùng với đó, thị phần của các nước phát triển đã giảm từ mức 66% trong năm 1980 xuống còn 53% trong năm 2011.

Khối lượng xuất khẩu của các nước phát triển, đang phát triển và chuyển đổi giai đoạn 1990 – 2009 (năm 2000 là 100)

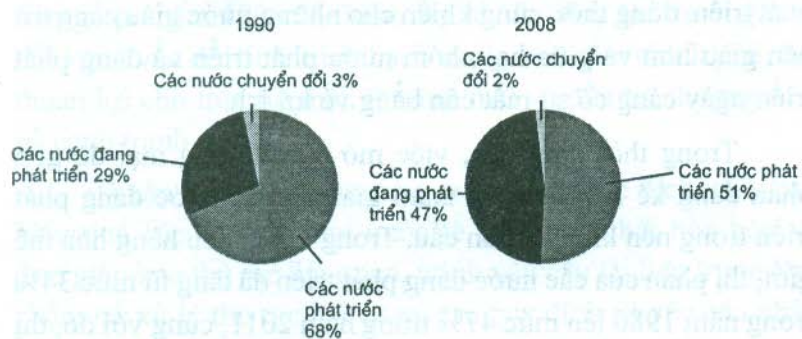


Nguồn: WTO

Bên cạnh đó, khối lượng xuất khẩu của các nước đang phát triển tăng nhanh hơn so với khối lượng xuất khẩu của các nước phát triển và của toàn thế giới. Thương mại giữa các nước đang phát triển, hay còn gọi là thương mại Nam

- Nam cũng tăng. Xuất khẩu từ các nước đang phát triển sang các nước phát triển đã tăng từ mức 29% năm 1990 lên 47% năm 2008.

Xuất khẩu của các nước đang phát triển



Nguồn: WTO

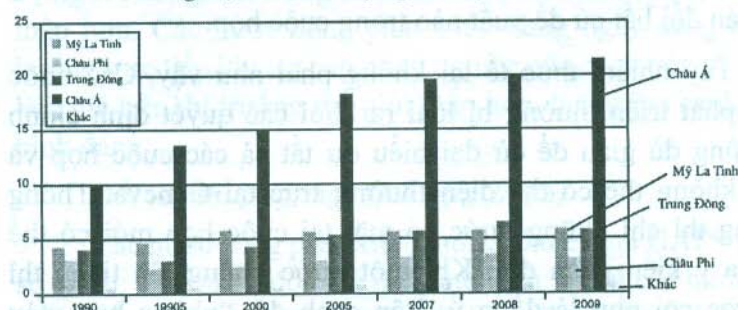
Việc tăng thương mại Nam - Nam trong xuất khẩu thế giới chủ yếu là do số lượng hiệp định thương mại ưu đãi (PTA) giữa các nước đang phát triển tăng, chiếm phần lớn trong tổng các PTA kể từ năm 1990. Ngay cả khi những PTA không được thực hiện đầy đủ thì việc ngày càng mở cửa và giảm các rào cản thương mại giữa các nước đang phát triển sẽ khiến cho thương mại Nam - Nam tăng.

Trong thực tế, khi cuộc khủng hoảng kinh tế gần đây xảy ra, thì xuất khẩu của các nước đang phát triển giảm ít hơn so với xuất khẩu của các nước phát triển. Ví dụ, so với quý I/2007, xuất khẩu của các nước đang phát triển và phát triển giảm tương ứng là 28% và 35% trong quý II/2009. Hơn nữa, kim ngạch xuất khẩu của các nước đang phát triển chỉ bắt đầu giảm từ quý III/2008 nhưng kim ngạch xuất khẩu tại các nước phát triển đã giảm từ một quý trước đó. Cùng với đó, kim

ngạch xuất khẩu của các nước đang phát triển phục hồi tốt hơn so với các nước phát triển, ví dụ, đến quý IV/2009, kim ngạch xuất khẩu của các nước đang phát triển đã đạt được mức của quý III/2007 trong khi kim ngạch xuất khẩu của các nước phát triển mới đạt được mức của quý I/2007⁵.

Tuy nhiên, không phải tất cả các nước đang phát triển được tham gia cân bằng trong thương mại quốc tế. Nếu như châu Á - khu vực xuất khẩu quan trọng nhất trong nhóm nước đang phát triển - đã đạt tăng thị phần kim ngạch xuất khẩu thế giới từ mức 10% trong năm 1990 lên mức 21% trong năm 2009 thì châu Phi - chiếm thị phần nhỏ nhất trong kim ngạch xuất khẩu của nhóm nước đang phát triển - chỉ đạt 3% cho cả năm 1990 và 2009. Cùng với châu Phi, các nước Mỹ La Tinh và Trung Đông có thị phần thay đổi rất ít trong kim ngạch xuất khẩu thế giới giai đoạn 1990 - 2009.

Thị phần các nước đang phát triển trong kim ngạch xuất khẩu thế giới, theo khu vực giai đoạn 1990 - 2009 (%)



Nguồn: WTO

⁵ http://www.wto.org/english/thewto_e/coher_e/mdg_e/development_e.htm.

Mặc dù vậy, vai trò của các nước đang phát triển trong WTO đang bị giới hạn và bị chi phối bởi các nước phát triển, cụ thể:

Đối với quá trình ra quyết định

Cơ quan ra quyết định cao nhất của WTO là Hội nghị bộ trưởng, bao gồm bộ trưởng của tất cả các nước thành viên (thường là bộ trưởng thương mại) và họp ít nhất 2 năm 1 lần. Hội nghị có trách nhiệm đưa ra các quyết định đối với tất cả các vấn đề liên quan đến các thỏa thuận trong vòng đàm phán Uruguay và các vấn đề khác của WTO. Quyết định trong WTO thường được thực hiện bởi sự đồng thuận. “Một quyết định sẽ được coi là có sự đồng thuận nếu không thành viên nào có mặt tại cuộc họp phản đối vấn đề được đề xuất”⁶. Nếu như không đạt được đồng thuận nào thì tiến hành bỏ phiếu theo quy tắc “một nước - một phiếu bầu” và quyết định sẽ được căn cứ trên đa số phiếu bầu. Do vậy, về mặt lý thuyết, quá trình ra quyết định của WTO rất dân chủ bởi tất cả các nước thành viên được đại diện như nhau và mỗi nước có cơ hội để đạt nguyện vọng và phản đối bất cứ đề xuất nào trong cuộc họp.

Tuy nhiên, thực tế lại không phải như vậy. Các nước đang phát triển thường bị loại ra khỏi các quyết định chính vì không đủ giàu để cử đại biểu dự tất cả các cuộc họp và càng không thể có đại diện thường trực tại Geneva. Thông thường thì chỉ những nước có mặt tại cuộc họp mới có thể đưa ra ý kiến phản đối. Khi một nước không lên tiếng thì sẽ được coi như là đồng ý. Bên cạnh đó, “phòng họp màu

⁶ Das, B.L (1999), The World trade organization: A guide to the framework for international trade.

xanh lá cây” cũng có xu hướng loại các nước đang phát triển, phòng họp này do Ban Thư ký của WTO chọn người tham dự. Thông thường, hầu hết các đại biểu từ các nước phía Bắc, một số ít đại biểu từ phía Nam và những đại diện khác không được mời thì đương nhiên sẽ được coi như là không có ý kiến (Dunkley 2000, Schott 2000).

Đáng chú ý là trong khi WTO được coi là định hướng quốc gia thì các quốc gia không hẳn là nhân tố chính trong quá trình đưa ra quyết định đàm phán. Thực tế cho thấy, lợi ích của các công ty tư nhân hoạt động theo nguyên tắc tự do hóa thương mại và tiếp cận thị trường cũng có vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định.

Đối với vấn đề nông nghiệp

Các nước phát triển áp dụng tiêu chuẩn kép khi vừa ủng hộ tự do hóa lại vừa duy trì mức bảo hộ nông nghiệp lớn. Ví dụ, Mỹ và EU đã sử dụng trợ cấp xuất khẩu nhằm hỗ trợ cho lĩnh vực nông nghiệp cũng như hạn chế nhập khẩu nhằm bảo vệ người nông dân trong nước từ sản phẩm được nhập với giá thấp hơn. Các nước đang phát triển đang ngày càng bị ảnh hưởng trực tiếp khi trợ cấp nông nghiệp của các nước phía Bắc làm giá trên thị trường thế giới thấp hơn, làm giảm cạnh tranh bình đẳng.

Đối với thương mại dịch vụ (GATS)

Các nước đang phát triển dường như e ngại GATS vì một số lý do: Thứ nhất, đối với lĩnh vực dịch vụ thì các nước phía Bắc chiếm ưu thế và đã được tự do hóa. Thứ hai, các hiệp định khuyến khích quá trình không ngừng tự do hóa và dường như các nước phía Nam sẽ khó bắt kịp được các nước phát triển theo chế độ tự do thương mại. Các công ty xuyên quốc gia tại các nước phía Bắc đã đạt được vị trí độc quyền để hưởng lợi

chủ yếu từ GATS do có vị trí tốt hơn để tận dụng lợi thế tự do hóa và chiếm lĩnh thị trường.

Đối với các hiệp định thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)

TRIPS là một hệ thống toàn cầu bao gồm những tiêu chuẩn tối thiểu về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ như bằng sáng chế, bản quyền, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu. Tuy nhiên, các hiệp định này lại không tính đến mức độ phát triển khác nhau giữa các nước và đã hạn chế tiếp cận công nghệ của các nước nghèo.

Như vậy, kể từ khi ra đời, WTO đã đóng vai trò là tổ chức thương mại lớn nhất thế giới, thực hiện những mục tiêu như nâng cao mức sống của nhân dân các thành viên, đảm bảo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thương mại, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực của thế giới.

WTO là một thiết chế pháp lý quốc tế liên quan đến các quy định, quy tắc, luật chơi của thương mại, kinh doanh toàn cầu. Hạt nhân của thiết chế pháp lý quốc tế này là các hiệp định của WTO được các nước, các nền kinh tế tham gia quan hệ thương mại quốc tế xây dựng và cam kết thực hiện. Các hiệp định này đã tạo lập một khung pháp lý vững chắc cho thương mại đa biên, là khuôn khổ ràng buộc chính phủ các nước duy trì chính sách thương mại của mình phù hợp với kỷ cương đã được định lập. Từ khi ra đời, các nội dung đàm phán trong WTO đã thay đổi, đặc biệt với các vấn đề được đưa vào vòng đàm phán Doha như đàm phán nông nghiệp, dịch vụ, phi nông nghiệp, sở hữu trí tuệ và thuận lợi hóa thương mại.

Bên cạnh đó, trong tỷ trọng thương mại thế giới, các nước đang phát triển ngày càng tăng thị phần, mối quan hệ thương mại giữa các nước đang phát triển với nhau cũng ngày

một tăng, nhưng vai trò giữa nước đang phát triển và nước phát triển có sự mất cân bằng. Do vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách WTO để hướng tới sự cân bằng trong lịch trình thương mại trong đối xử với lợi ích của các nước đang phát triển, giúp cho quyền lợi của các nước đang phát triển ngày một cải thiện trong sân chơi WTO.

Ths. Trần Thị Quỳnh Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexandre S.De Crombrugghe (2009), *Opportunities of reforming the WTO: Resistance and Potentials of Change*.
2. Congressional Research Services (2011), *WTO negotiations: The Doha Development Agenda*.
3. Ian F. Fergusson (2011), *The WTO: The Hong Kong Ministerial*.
4. Ian F.Fergusson (2011), *WTO: The Doha Development Agenda*.
5. Ian F. Fergusson (2011), *The WTO: The Non-Agricultural Market Access (NAMA) Negotiations*.
6. Monika Kathuria (2010), *Doha Round of multilateral trade negotiations - critical issues in trade development pertaining to India*.
7. Randy Schnepf and Charles E. Hanrahan (2011), *WTO Doha Round: Implications for U.S. Agriculture*.
8. Patrick A.Messerlin (2011), *The Doha Round*.
9. Secretariat - Council for Trade in Services (2011), *Special Session - Report of the Meeting Held on 16 March*.
10. The Economist - Defrosting Doha (2008), William H. Cooper, *The WTO Doha Ministerial: Results and Agenda for a New Round of Negotiations*.
11. WTO, *Market Access for Non-Agricultural Products, August 12, 2008*.
12. WTO, *World trade report 2013*.
13. http://www.wto.org/english/thewto_e/coher_e/mdg_e/development_e.htm.
14. http://wto.org/english/news_e/news13_e/mc9sum_07dec13_e.htm.